

PHÒNG GD&ĐT PHÚ GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC AN LINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học năm học 2023-2024

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Stt	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	15	15 lớp
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố		
2	Phòng học bán kiên cố	X	
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ, mượn		
III	Số điểm trường lẻ	0	
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	20667,3 (m ²)	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	10.000 (m ²)	
VI	Tổng diện tích các phòng	1.536 m ²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	960 (m ²)	2.28m ² /học sinh
2	Diện tích thư viện (m ²)	144,5 (m ²)	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	909,3 m ²	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	64 (m ²)	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	64 (m ²)	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	64 (m ²)	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	64 (m ²)	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	64 (m ²)	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội	106 (m ²)	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		

1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	15 bộ	1 bộ/lớp
1.1	Khối lớp 1	3bộ	3/3
1.2	Khối lớp 2	3 bộ	3/3
1.3	Khối lớp 3	3 bộ (cũ)	3/3
1.4	Khối lớp 4	3 bộ (cũ)	3/3
1.5	Khối lớp 5	3 bộ	3/3
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3	3 bộ	3/3
2.4	Khối lớp 4	3 bộ	3/3
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	56 bộ	2bộ/ học sinh
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	2	
2	Cát xét	1	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	15	
5	Thiết bị khác...	2	
6	Máy Lạnh	4	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	1 (172,4 m ²)
XI	Nhà ăn	1(406.7 m ²)

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học	4(285.2 m ²)	150	1.9 m ² /chỗ

	sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		284 m²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bao đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

An linh, ngày 30 tháng 6 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Hồ Phương

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học năm học 2023-2024

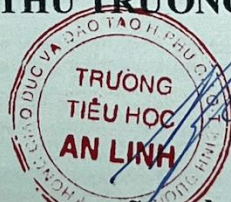
(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

[illegible]

	trưởng														
III	Nhân viên	7			2	2		3	1	2	1		7		
1	Tổng PTĐ	1			1					1			1		
2	Nhân viên kế toán	1			1						1		1		
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1				1			1				1		
5	Nhân viên thư viện	1				1				1			1		
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	Nhân viên khác	3						3					3		
10	...														

An Linh, ngày 30 tháng 6 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Hồ Phương